TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2026/HSST Ngày 06 – 02 - 2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Điểm.

Ông Triệu Kim Bình.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 – TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – TH tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – TH, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2026/TLST - HS ngày 07 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L, sinh ngày 24/8/2004 tại tỉnh PT; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Khu 7, xã ĐT, tỉnh PT; Số căn cước công dân: 025304009629, cấp ngày 01 tháng 5 năm 2022; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/12 (Không biết chữ); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1978 và bà Trần Thị N, sinh năm 1979; Chồng: Lê Đình Đ, sinh năm 2003; Có 02 con, con lớn sinh năm 2023, con nhỏ sinh năm 2025;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt)

- *Người bị hại:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Làng T, xã KT, tỉnh TH, (có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Anh Lê Đình Đ, sinh năm 2003. Trú tại Làng T, xã KT, tỉnh TH, (có mặt).

+ Chị Ngân Thị V, sinh năm 1969. Địa chỉ: Làng T, xã KT, tỉnh TH, (vắng mặt).

+ Chị Bùi Thị D, sinh năm 1977. Địa chỉ: Làng T, xã KT, tỉnh TH, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 09/8/2025, Nguyễn Thị L nơi đăng ký thường trú ở khu 7, xã ĐT, tỉnh PT cùng chồng là Lê Đình Đ cư trú ở Làng T, xã KT, tỉnh TH (L và Đ ở cùng nhà bà Lê Thị H, (mẹ kế của Đ) trú tại Làng T, xã KT, tỉnh TH) chuẩn bị đi xe mô tô ra HN, để đi làm thì L nói với Đ là vào nhà lấy nước đi đường uống. Lúc này Đ ở ngoài đường chờ, còn L đi vào nhà thấy bà H đang tắm, nên L này sinh ý định trộm cắp tài sản. L kiểm tra đầu giường ngủ của bà H, thấy túi của bà H cất ở dưới gối bên trong có một bọc nilon màu trắng được buộc dây chun, biết đây là tiền, nên L bỏ vào túi quần và cầm theo một chai nước trong tủ lạnh để mang theo uống. Sau đó L cùng Đ và con trai đi ra HN. Đến khoảng 23 giờ ngày cùng ngày, khi ra đến HN, L không nói cho Đ biết việc lấy trộm tiền của bà H. Trong lúc Đ đi làm, ở nhà L kiểm đếm số tiền trộm cắp được 49.000.000 đồng và sử dụng hết 34.000.000 đồng, để chi tiêu, sinh hoạt, mua sắm đồ đạc ở nhà trọ. Ngày 09/8/2025 bà Lê Thị H đến Công an xã KT, tỉnh TH trình báo vụ việc, đến ngày 13/8/2025, Đ thấy L mua sắm nhiều đồ đạc trong gia đình, nên hỏi L về nguồn tiền mà L sử dụng, thì L mới khai nhận là lấy trộm tiền của bà H vào ngày 09/8/2025, sau đó Đ chở L đến Công an xã KT, tỉnh TH đầu thú và giao nộp số tiền 15.000.000 đồng (gồm 30 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng).

Tại Kết luận giám định số: 3425/KL-KTHS ngày 12/9/2025 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh TH, kết luận: 30 (ba mươi) tờ tiền, mệnh giá 500.000đ gửi giám định là tiền thật.

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không;

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thời điểm phạm tội bị cáo đang có thai; bị cáo đầu thú, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án: Không; Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 30 (ba mươi) tờ tiền Việt Nam đồng, mệnh giá 500.000 đồng, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Lê Thị H.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Lê Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 34.000.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường cho người bị hại.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKSNL ngày 06/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – TH truy tố Nguyễn Thị L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị L; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 24 đến 26 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 52 tháng; áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo bồi thường cho bà Hương số tiền 34.000.000 đồng và buộc bị cáo phải chịu án hình sự và dân sự theo pháp luật.

Tại phần tranh luận, bị cáo, bị hại thống nhất quan điểm luận tội của Kiểm sát viên. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại 34.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TH, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – TH, Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại, tố cáo gì, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng phù hợp với pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và căn cứ định tội:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản thu giữ tiền, kết luận giám định và các tài liệu khác đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 18 giờ ngày 09/8/2025, tại Làng T, xã KT, tỉnh TH, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà Lê Thị H, bị cáo Nguyễn Thị L đã lén lút chiếm đoạt số tiền 49.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – TH truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Do đó cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã đến Công an xã KT đầu thú; khi phạm tội bị cáo là phụ nữ có thai; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, chưa có tiền án, tiền sự, nên có khả năng tự cải tạo tại địa phương.

[5] Về hình phạt và việc cho hưởng án treo: Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; hiện bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, xét không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, việc cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ

điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Vì vậy, xét thấy cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại 34.000.000 đồng. Yêu cầu này là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận và buộc bị cáo tiếp tục thực hiện nghĩa vụ bồi thường.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

*** Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 173; Các điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo Nguyễn Thị L.

*** Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Thị L 02 (Hai) năm, 02 (Hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52 (Năm mươi hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã ĐT, tỉnh PT quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Trường hợp Nguyễn Thị L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Luật số: 86/2025/QH15 và khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách bị cáo Lý cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc Nguyễn Thị L phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải bồi thường cho bà Lê Thị H số tiền 34.000.000 đồng (Ba mươi tư triệu đồng).

* **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 6; điểm a, c khoản 1 Điều 23; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng án phí bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu án phí là 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng).

*** Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND khu vực 10-TH;
- Cơ quan THADS, tỉnh TH;
- UBND xã ĐT, tỉnh PT;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TH;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh TH (Phòng PC02);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh TH Phòng PC 10);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**